

THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI
THUẾ CƠ SỞ 3 TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Trần Biên, ngày tháng năm

V/v triển khai chính sách thuế
đối với HKD, CNKD tại Nghị
định 68/2026/NĐ-CP và
Thông tư 18/2026/TT-BTC.

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân xã phường trên địa bàn quản lý của
Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai;

- Tất cả Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa
bàn các phường **Biên Hòa**, Phường **Trần Biên**, Phường
Long Bình, Phường **Tam Hiệp**, phường **Trảng Dài**,
phường **Hố Nai**, phường **Tam Phước**, phường **Phước
Tân**, phường **Long Hưng**, phường **Tân Triều**, xã **Trị
An**, xã **Tân An** và xã **Phú Lý**.

Căn cứ Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 05/03/2026 quy định về chính
sách thuế và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Căn cứ Thông tư số 18/2026/TT-BTC ngày 05/03/2026 quy định về hồ
sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Căn cứ Thông tư 152/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 quy định về hướng
dẫn kế toán cho các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai giới thiệu một số điểm mới về chính sách thuế
và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cụ thể như sau:

I. Doanh thu xác định thuế TNCN:

1. Doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch
vụ kê cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được
hưởng, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền; **bao gồm cả:**

+ Các khoản thưởng được nhận.
+ Khoản được nhận từ hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thanh
toán.

+ Khoản hỗ trợ được nhận bằng tiền hoặc không bằng tiền.
+ Các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác liên quan đến
hoạt động kinh doanh.

+ Doanh thu khác mà cá nhân kinh doanh được nhận không phân biệt đã
thu được tiền hay chưa thu được tiền, không bao gồm chiết khấu thương mại,
giảm giá hàng bán và giá trị hàng bán bị trả lại.

2. Thời điểm xác định doanh thu:

- Đối với hoạt động bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu,
quyền sử dụng hàng hoá cho người mua;

- Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.

II. Các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế TNCN:

1. Các khoản chi được trừ pháp đáp ứng các điều kiện:

- Các khoản chi phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

- Có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về kế toán;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với các khoản thanh toán từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên theo pháp luật về thuế giá trị gia tăng.

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập tính thuế: Không đáp ứng điều kiện trên.

III. Về chính sách thuế, khai thuế, nộp thuế, hoá đơn và sổ sách kế toán:

Chỉ tiêu	Doanh thu năm từ 500 triệu đồng trở xuống	Doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 3 tỷ đồng	Doanh thu năm trên 3 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	Doanh thu năm trên 50 tỷ đồng
Thuế GTGT	không nộp thuế	Số thuế phải nộp = Tỷ lệ (%) x Doanh thu		
Thuế TNCN	không nộp thuế	Lựa chọn một trong 2 cách sau: Cách 1: Số thuế TNCN phải nộp = Tỷ lệ x (Doanh thu - 500 triệu) Cách 2: Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (15%)	Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (17%)	Số thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất (20%)
Các thuế, loại phí khác	Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật thuế thì việc xác định nghĩa vụ thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về từng loại thuế tương ứng			
Kỳ kê	-1 lần/năm: Chậm	-Theo quý	-Theo quý	-Theo quý

khai/thời hạn kê khai/nộp thuế	<p>nhất là 31/01 năm sau.</p> <p>-HKD ra kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2026: 2 lần/năm: +Lần 1 ngày 31/07/2026. +Lần 2 ngày 31/01/2027.</p> <p>-HKD ra kinh doanh trong 6 tháng cuối năm 2026: 1 lần/năm: Chậm nhất là 31/01/2027.</p> <p>-Trường hợp phát sinh doanh thu thực tế > 500 triệu: kể từ quý phát sinh DT thực tế >500 triệu .</p>	<p>- Chậm nhất ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý sau</p>	<p>-Chậm nhất ngày cuối cùng tháng đầu tiên của quý sau</p>	<p>-Chậm nhất ngày 20 tháng sau</p>
Quyết toán năm	<p>Không</p>	<p>Thực hiện quyết toán thuế TNCN đối với trường hợp tính thuế theo cách 2 nêu trên</p>	<p>Thực hiện quyết toán thuế TNCN</p>	<p>Thực hiện quyết toán thuế TNCN</p>
Hóa đơn điện tử	<p>Không</p>	<p>-Doanh thu năm từ 01 tỷ đồng /năm trở lên bắt buộc sử dụng</p> <p>-Doanh thu trên 500 triệu đồng đến dưới 01 tỷ đồng không bắt buộc, khuyến khích sử dụng</p>	<p>Bắt buộc sử dụng HĐĐT</p>	<p>Bắt buộc sử dụng HĐĐT</p>

		Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không đăng ký sử dụng HĐĐT, có nhu cầu sử dụng HĐĐT thì thực hiện khai và nộp thuế trước khi được cơ quan thuế cấp hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế theo từng lần phát sinh giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ;		
Sổ sách áp dụng	Mẫu S1a-HKD	Cách 1 nêu trên: Mẫu S2a-HKD	-Mẫu S2b-HKD	-Mẫu S2b-HKD
		Cách 2 nêu trên: Thực hiện như HKD có doanh thu trên 3 tỷ đồng/năm	-Mẫu S2c-HKD -Mẫu S2d-HKD -Mẫu S2e-HKD	-Mẫu S2c-HKD -Mẫu S2d-HKD -Mẫu S2e-HKD
		Đối với các loại thuế khác: Mẫu S3a-HKD		

IV. Tỷ lệ tính thuế GTGT, thuế suất thuế TNCN như sau:

1. Tỷ lệ % để tính thuế GTGT: Căn cứ vào ngành nghề kinh doanh tỷ lệ % tính thuế GTGT được xác định như sau:

Nhóm ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ % để tính thuế GTGT
Phân phối, cung cấp hàng hóa	1%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	5%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3%
Hoạt động kinh doanh khác	2%

2. Thuế suất thuế TNCN:

HKD, CNKD có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng lựa chọn nộp thuế TNCN trên doanh thu thì căn cứ ngành nghề kinh doanh thuế suất thuế TNCN được xác định như sau:

Nhóm ngành nghề kinh doanh	Thuế suất thuế TNCN
Phân phối, cung cấp hàng hóa	0.5%
Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	2%
Hoạt động cho thuê tài sản, đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, đại lý bán hàng đa cấp	5%
Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	1,5%
Hoạt động cung cấp sản phẩm và dịch vụ nội	5%

dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số, quảng cáo số	
Hoạt động kinh doanh khác	1%

V. Một số nội dung khác cần lưu ý:

1. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu trên 03 tỷ đồng hoặc có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì thực hiện ổn định phương pháp tính thuế trong 02 năm liên tục kể từ năm đầu tiên áp dụng. Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu năm trên 500 triệu đồng đến 03 tỷ đồng đang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thuế suất nhân (x) doanh thu tính thuế, nếu hết năm xác định doanh thu thực tế năm trên 03 tỷ đồng thì từ năm tiếp theo phải chuyển sang áp dụng phương pháp tính thuế TNCN theo thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất.

2. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp hồ sơ khai thuế bằng phương thức điện tử. Trường hợp người nộp thuế thuộc đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật, người thuộc diện bảo trợ xã hội, người cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khác, không thể thực hiện giao dịch điện tử thì nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính đến Trung tâm Phục vụ HCC cấp xã.

3. Chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác trong nước hoặc nước ngoài có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán có trách nhiệm thực hiện khấu trừ, khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 117/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ, cá nhân.

4. Trường hợp cá nhân trực tiếp khai thuế đối với hoạt động cho thuê bất động sản thì cá nhân được lựa chọn khai thuế 2 lần trong năm tính thuế hoặc khai thuế 1 lần theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế 2 lần trong năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế lần thứ 1 chậm nhất là ngày 31/7 của năm tính thuế và lần thứ 2 chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp khai thuế 1 lần theo năm tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày 31/01 của năm dương lịch tiếp theo năm tính thuế. Trường hợp tổ chức thuê bất động sản là người khai thuế thay, nộp thuế thay thì tổ chức thực hiện khai thuế thay, nộp thuế thay cho cá nhân theo mẫu 01/TC KT và Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân cho thuê BĐS theo mẫu số 02/BK-KTBĐS. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế xác định theo kỳ thanh toán tiền thuê bất động sản.

Đối với các hợp đồng cho thuê bất động sản phát sinh trước thời điểm ngày 01/01/2026 và thời hạn còn lại của hợp đồng trên 06 tháng nếu đã nộp thuế GTGT, TNCN thì được điều chỉnh mức doanh thu không chịu thuế GTGT theo

quy định tại khoản 1 Điều 3, mức doanh thu không phải nộp thuế TNCN quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP, trường hợp mức doanh thu còn lại trên 500 triệu đồng thì thực hiện nộp thuế theo quy định tại Nghị định số 68/2026/NĐ-CP và được xử lý tiền thuế đã nộp theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 68/2026/NĐ-CP (nếu có).

5. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán từ năm 2025 trở về trước và đã được xác định mức thuế khoán (bao gồm cả trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có thay đổi về quy mô sản xuất kinh doanh dẫn đến doanh thu khoán thuế thay đổi từ 50% trở lên) theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành, khi chuyển sang thực hiện kê khai thuế kể từ ngày 01/01/2026, cơ quan thuế không sử dụng doanh thu khai thuế năm 2026 để xác định lại nghĩa vụ thuế các năm trước, không xử phạt vi phạm hành chính đối với các nghĩa vụ thuế đã thực hiện theo phương pháp khoán, trừ trường hợp cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hành vi che giấu doanh thu dẫn đến thiếu số thuế phải nộp.

6. Trường hợp khai thuế theo tháng thì hồ sơ khai thuế tháng 1, tháng 2, tháng 3 năm 2026 gửi cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là ngày 20 tháng 4 năm 2026.

7. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong năm 2025 nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai, có mức doanh thu từ 03 tỷ đồng trở lên hoặc từ năm 2026 lựa chọn nộp thuế TNCN theo phương pháp thu nhập tính thuế nhân (x) thuế suất thì hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện xác định, ghi nhận giá trị hàng tồn kho, máy móc, thiết bị đang phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại thời điểm ngày 31/12/2025 để làm căn cứ xác định chi phí được trừ khi tính thuế TNCN cho kỳ tính thuế năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh lập Bảng kê hàng tồn kho, máy móc, thiết bị theo Mẫu số 01/BK-HTK theo Thông tư 18/2026/TT-BTC, lưu giữ tại hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và gửi 01 bản cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bằng phương thức điện tử cùng hồ sơ khai thuế quý I năm 2026 đối với trường hợp khai thuế theo quý hoặc chậm nhất là ngày 20/4/2026 đối với trường hợp khai thuế theo tháng. Cơ quan thuế tiếp nhận thông tin để phục vụ công tác quản lý thuế. Việc tiếp nhận bảng kê của cơ quan thuế không có giá trị pháp lý trong việc xác nhận hoặc hợp thức hóa nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác và đầy đủ của thông tin tại Bảng kê, trường hợp phát hiện vi phạm pháp luật thì xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử:

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động, đã nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025, có doanh thu từ

500 triệu đồng trở xuống gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK- STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC chậm nhất là ngày 20/4/2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đang hoạt động, đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán hoặc phương pháp kê khai trong năm 2025 có mức doanh thu trên 500 triệu đồng gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo Mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh mới ra kinh doanh gửi Thông báo số tài khoản/số hiệu ví điện tử theo mẫu số 01/BK-STK ban hành kèm theo Thông tư 18/2026/TT-BTC kèm theo Thông báo doanh thu hoặc Tờ khai thuế đầu tiên của năm 2026.

- Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh khi thay đổi thông tin số tài khoản/số hiệu ví điện tử thì thông báo cho cơ quan thuế theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai triển khai một số nội dung mới về chính sách thuế và quản lý thuế, hồ sơ, thủ tục quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đề nghị UBND các xã phường trên địa bàn triển khai tuyên truyền, phổ biến đến tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn quản lý biết và thực hiện.

Thuế cơ sở 3 tỉnh Đồng Nai thông báo đến các hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn quản lý được biết và thực hiện./.

TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế cơ sở;
- Lưu: VT, NVDTPC.

Lê Hữu Nghĩa